

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA HỘ CẬN NGHÈO VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Thành Hiệp¹, Huỳnh Kim Trọng^{2*}, Lê Thị Thùy Trang³

¹Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

²Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương

³Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: trong.hk@kttk.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/11/2023; Ngày nhận bài sửa: 25/01/2024; Ngày chấp nhận đăng: 29/3/2024

TÓM TẮT

Thông qua việc kiểm định bảy giả thuyết, kết quả nghiên cứu đã giải quyết được hai mục tiêu của nghiên cứu: Một là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo tại Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương; Hai là đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố này đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo. Nghiên cứu sử dụng mẫu dữ liệu gồm 270 khách hàng cận nghèo có dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu như sau: Có hai yếu tố có mối quan hệ nghịch đảo: Tuổi của người vay (Tuoi) và Thu nhập sau vay (Thunhap); Có bốn yếu tố có mối quan hệ cùng chiều: Lãi suất khoản vay (Laisuat), Ngành nghề (Nganh), Trình độ chuyên môn (Trinhdo), Số thành viên có thu nhập trong gia đình (Thanhvien) có khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương; Một yếu tố bị loại do không có ý nghĩa thống kê là Mục đích sử dụng vốn vay (Mucdich). Dựa trên kết quả đạt được, tác giả đã đưa ra các đề xuất những hàm ý chính sách nhằm nâng cao khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo trong đó quan trọng nhất là những khuyến nghị dành cho ngân hàng.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, khả năng trả nợ, hộ cận nghèo, vốn vay, ngân hàng chính sách xã hội, tỉnh Bình Dương.

1. MỞ ĐẦU

Trong thế kỷ 21, nhân loại đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng kinh ngạc này, vấn đề về nghèo đói vẫn đang đối diện với chúng ta như một thách thức vô cùng lớn, ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của mỗi quốc gia trên thế giới. Theo báo cáo của cơ quan các vấn đề kinh tế xã hội của Liên Hiệp Quốc (UNDESA), ước tính có khoảng 71 triệu người trên toàn cầu đã bị đẩy vào cảnh nghèo đói trong năm 2020. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã làm gia tăng tình trạng này một cách đáng lo ngại. Theo nghiên cứu của Đại học King (Anh) và Đại học Quốc gia Australia, ước tính có tới nửa tỷ người (tương đương khoảng 8% dân số thế giới) có nguy cơ rơi vào cảnh nghèo đói do tác động của đại dịch này. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng đã cảnh báo về tình hình đáng lo ngại này. Hiện nay, có hơn 2 tỷ người trên thế giới cần phải có thu nhập hằng ngày để có thể tồn tại, nhưng tình trạng thất nghiệp gia tăng đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt sau đại dịch Covid-19, làm cho vấn đề nghèo đói trở nên càng trầm trọng hơn bao giờ hết [1].

Có thể khẳng định rằng, tình trạng đói nghèo đóng vai trò quan trọng làm hạn chế khả năng phát triển của con người, không chỉ ở cấp độ quốc gia mà còn trên toàn thế giới. Do đó, việc giảm và ngăn chặn nghèo đói luôn được ưu tiên hàng đầu trong chính sách của các quốc gia.

Ở Việt Nam, hỗ trợ tín dụng xã hội đóng vai trò quan trọng trong hệ thống chính sách giảm nghèo, là một phần quan trọng của toàn bộ chiến lược này. Ngoài mục tiêu tăng trưởng kinh tế, các mục tiêu an sinh xã hội được đảm bảo, đặc biệt là chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là một vấn đề được Chính

phủ nước ta quan tâm và triển khai ngay từ những năm đầu của công cuộc đổi mới, Chính phủ triển khai nhiều chính sách nhằm đưa các chủ trương, ưu đãi của Đảng và Nhà nước tới người dân một cách kịp thời, đúng đối tượng và có hiệu quả thiết thực. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã quyết định thành lập Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) vào năm 2002, tổ chức lại ngân hàng phục vụ người nghèo trước đây. Từ khi đi vào hoạt động, NHCSXH đã không ngừng nghiên cứu và đưa vào thực tiễn một mô hình quản lý mới, áp dụng phương thức phù hợp với điều kiện của khách hàng, phối hợp chặt chẽ giữa ngân hàng và các tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với yêu cầu mới từ thực tiễn. Sau 2 thập kỷ phát triển, NHCSXH đã thực hiện tốt những mục tiêu mà Chính phủ đề ra, trong đó nổi bật là tập trung nguồn lực trong công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng và hiệu quả vốn tín dụng chính sách, huy động sự tham gia toàn xã hội và góp phần ngăn chặn tình trạng cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn [2, 3].

Bình Dương là một tỉnh thành có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tuy nhiên vẫn còn một số hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn cao. Theo kết quả điều tra giai đoạn 2021-2025 toàn tỉnh có 451 hộ cận nghèo. Đặc biệt, những năm gần đây các hộ cận nghèo gặp khó khăn về tài chính nhiều hơn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19. Hiện nay, tại tỉnh Bình Dương, nguồn lao động chủ yếu là công nhân, lao động phổ thông chưa qua đào tạo, chất lượng thấp, giải quyết việc làm mang tính mùa vụ, không ổn định và chủ yếu giải quyết việc làm tại chỗ theo kinh tế hộ gia đình, tình trạng thất nghiệp còn đông nhất là ở khu vực nông thôn [4]. Do vậy, công tác đào tạo nghề được cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội quan tâm hàng đầu để thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Để vượt qua những thử thách đó, NHCSXH tỉnh Bình Dương đã cố gắng bám sát mục tiêu của nghị quyết Đảng bộ tỉnh, triển khai công tác cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi trong đó quan tâm đến hộ nghèo, hộ cận nghèo xác định đây là một trong những nhiệm vụ kinh tế chính trị trọng tâm. NHCSXH tỉnh Bình Dương cũng đã chủ động đề xuất với các ngành liên quan thành lập đoàn khảo sát, rà soát đánh giá chất lượng nợ của từng dự án, đối chiếu trực tiếp đến 100% các hộ vay dự án vay vốn, từ đó có phương án quản lý hiệu quả nợ, nhận bàn giao cũng như biện pháp xử lý cụ thể phù hợp với từng món nợ, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, nhất là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, truyền đạt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến người dân, tập huấn đến các tổ tiết kiệm vay vốn, các tổ chức chính trị - xã hội, mở rộng thêm mạng lưới...[5]

Nhờ những cố gắng nỗ lực trong công tác triển khai mà chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao và hiệu quả hàng năm giúp cho hàng ngàn hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có việc làm và ổn định cuộc sống thoát nghèo bền vững.

Ngoài những kết quả đạt được, công tác triển khai cho vay chương trình hộ cận nghèo ở Bình Dương thời gian qua còn bộc lộ những tồn tại và vướng mắc nhất định. Trong quá trình cho vay và thu nợ thời gian qua cho thấy việc thực hiện việc thu nợ đến hạn của chương trình tín dụng cho vay hộ cận nghèo khó thực hiện và có khả năng mất vốn, khó thu hồi hoàn trả ngân sách địa phương, nợ quá hạn có xu hướng tăng, tỷ lệ nợ quá hạn tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách tại Bình Dương. Do đó việc đánh giá tác động của tín dụng chính sách xã hội đối với công tác giúp người nghèo nhằm đề xuất một số hàm ý quản trị gia tăng hiệu quả của công tác này là cần thiết. Với những lập luận đã trình bày đã thôi thúc tác giả chọn đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương” để nghiên cứu.

2. TỔNG QUAN, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

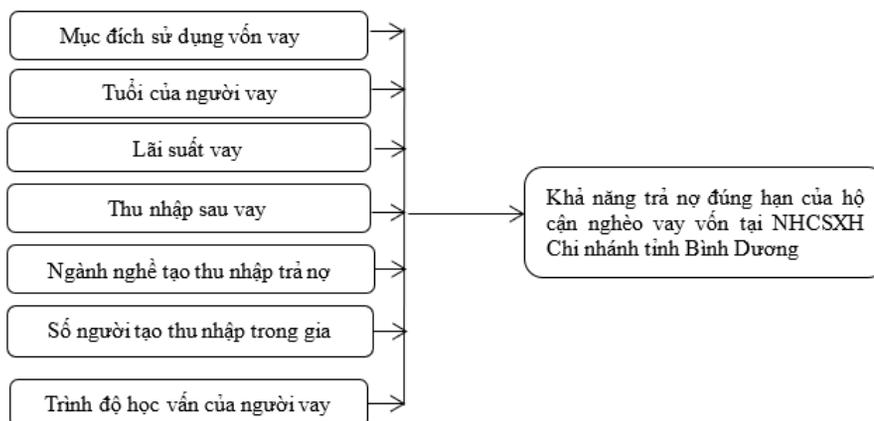
Các nghiên cứu liên quan đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH ở Việt Nam trong những năm qua là một trong những định hướng nghiên cứu thu hút khá nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu nói chung cũng như các nhà quản trị nói riêng. Các nghiên cứu này rất đa dạng bao gồm cả nghiên cứu định tính và định lượng. Trong phần khảo lược tác giả đã tổng hợp một cách có hệ thống các nghiên cứu liên quan đến đề tài từ cả trong và ngoài nước.

Bảng 1. Các yếu tố từ nghiên cứu có liên quan

STT	Tác giả	Bài nghiên cứu	Các yếu tố ảnh hưởng	Trích dẫn
1	Đạo (2020)	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ nghèo vay vốn tại NHCSXH huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Mục đích sử dụng vốn vay; thu nhập sau vay; lãi suất vay; tuổi của người vay; ngành nghề tạo thu nhập trả nợ; trình độ học vấn của người vay; thời gian	[6]
2	Wongnaa và Awunyo-Vitor (2013)	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của các hộ nông dân trồng khoai lang quận Sene, Gana	Học vấn; tuổi; kinh nghiệm; thu nhập phi nhà nước; lợi nhuận; giám sát	[7]
3	Loan và cộng sự (2019)	Vận dụng mô hình nhị phân logit: nghiên cứu tại BIDV Vĩnh Long	Trình độ; ngành; thu nhập; thời gian vay; lãi suất vay; giá trị tài sản đảm bảo; tuổi; kinh nghiệm; dư nợ vay	[8]
4	Munene và cộng sự (2013)	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của người dân có vay vốn tại Kenya	Kinh nghiệm kinh doanh; nghề nghiệp; số thành viên tham gia kinh doanh; thu nhập	[9]

2.2. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu có liên quan, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất của tác giả

Bảng 2. Các giả thuyết của mô hình

H1 – β_1	Mục đích sử dụng vốn vay có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H2 – β_2	Tuổi của người đi vay có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H3 – β_3	Lãi suất vay có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H4 – β_4	Thu nhập sau vay có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H5 – β_5	Ngành nghề tạo thu nhập trả nợ có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H6 – β_6	Số thành viên có thu nhập trong gia đình có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.
H7 – β_7	Trình độ học vấn của người vay có ảnh hưởng đến KNTN của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp hỗn hợp. Trong nghiên cứu phương pháp định lượng được sử dụng là chủ yếu.

Nghiên cứu định lượng: Tác giả vận dụng mô hình hồi quy Binary Logistic (mô hình Logit) trên phần mềm SPSS 20 để khám phá các yếu tố tác động đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương. Dữ liệu là thông tin liên quan của hộ gia đình vay vốn tại Ngân hàng, tự kê khai của đại diện hộ gia đình, không phải dữ liệu từ data khách hàng.

Nghiên cứu định tính: tổng hợp lý thuyết và thực nghiệm, tham khảo ý kiến chuyên gia, chọn mô hình nghiên cứu và đưa ra hàm ý quản trị từ kết quả nghiên cứu định lượng.

3. THỰC TRẠNG, KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng cho vay hộ cận nghèo tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương

Về dư nợ cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo theo các chương trình chính sách tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương (2019-2022) được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Dư nợ các chương trình tín dụng chính sách (2019-2022) [10]

(Đơn vị: triệu đồng)

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2019/2020		So sánh 2020/2021		So sánh 2022/2021	
					Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo	435.788	444.534	401.102	316.134	8.746	2,00	(43.432)	-9,77	(84.968)	-21,18

Dư nợ các chương trình tín dụng chính sách cho vay hộ cận nghèo tại ngân hàng có xu hướng giảm dần và cho vay hộ cận nghèo và mới thoát nghèo tăng nhanh điều này cho thấy số hộ cận nghèo trên địa bàn được thoát nghèo và tiếp cận được sự hỗ trợ mới tạo điều kiện sản xuất kinh doanh làm cho thu nhập tăng, ổn định đời sống. Đây là điều đáng mừng và cần được phát huy.

Về cho vay ưu đãi hộ nghèo và cận nghèo tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương (2003-2022) có báo cáo kết quả cho vay được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Báo cáo kết quả cho vay hộ nghèo và cận nghèo (2003-2022) [11]

(Đơn vị: triệu đồng, khách hàng)

Các chương trình tín dụng	Lũy kế doanh số cho vay	Lũy kế doanh số thu nợ	Lũy kế doanh số xóa nợ	Tổng dư nợ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng còn dư nợ từng chương trình tín dụng	Lũy kế số lượt khách hàng vay vốn
					Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
Cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo	2.138.046	1.871.502	631	316.134	314.475	1.520	139	59	315.885	190	8.608	66.805

Trong thời gian qua, hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, tuy nhiên quá trình hoạt động còn một số khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế sau: Nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của các đối tượng thụ hưởng, nhất là chương trình cho vay giải quyết việc làm. Bình Dương là một trong những tỉnh có thu nhập bình quân/ người cao nhất toàn quốc, trong khi đó cơ chế các chương trình tín dụng chính sách xã hội được ban hành, thực hiện thống nhất toàn quốc (đối tượng,

điều kiện vay vốn, mức vay,...) dẫn đến đối tượng được thụ hưởng tín dụng chính sách trên địa bàn bị thu hẹp so với các tỉnh có thu nhập thấp hơn. Chất lượng tín dụng chính sách ngày càng được nâng lên tuy nhiên vẫn còn một số nhỏ khách hàng bán nhà chuyển đến nơi khác sinh sống, không hoàn trả vốn vay, việc tìm kiếm nơi sinh sống mới để thu hồi vốn khó khăn, là nguyên nhân tiềm ẩn rủi ro.

Một số hạn chế còn tồn tại xuất phát từ việc nguồn lực tài chính của Nhà nước có hạn, trong khi phải thực hiện đồng thời nhiều mục tiêu nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nên mức độ đầu tư vốn của Nhà nước so với kế hoạch chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu thực tế. Cơ chế chính sách các chương trình tín dụng chính sách xã hội chưa chia theo từng địa phương, vùng miền có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Một số khách hàng vay vốn còn có tư tưởng trốn tránh trách nhiệm trả nợ, khi bán nhà không thông qua chính quyền địa phương và công tác quản lý, giám sát khách hàng vay vốn tại một số Tổ tiết kiệm và vay vốn, khu phố chưa được thực hiện đồng bộ và còn thiếu sự chặt chẽ.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Thống kê mô tả các biến

Kết quả cho thấy một cái nhìn tổng quan và chi tiết về các biến số được biểu diễn trong Bảng 5, cho thấy: Mục đích sử dụng vốn của khách hàng có giá trị trung bình 0,69, điều này cho thấy đa phần khách hàng vay vốn của ngân hàng sử dụng vốn đúng mục đích đã cam kết với ngân hàng; Tuổi của người vay có giá trị trung bình là 1,64. Điều này cho thấy tuổi của người vay vốn phân bố khá đồng đều giữa các nhóm tuổi; Lãi suất vay có giá trị trung bình 9,894%/ năm, mức lãi suất thấp nhất là 8,4% và cao nhất là 15%. Lãi suất cao là do khách hàng trả nợ không đúng hạn nên bị phạt làm cho lãi suất tăng cao.

Bảng 5. Thống kê mô tả các biến

Thống kê mô tả						
Nhân tố	Tổng quan sát	Giá trị trung bình	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Độ lệch chuẩn	Phương sai
Mục đích sử dụng vốn	270	0,69	0	1	0,465	0,217
Tuổi của người vay	270	1,64	1	3	0,668	0,447
Lãi suất vay	270	9,894	8,4	15,0	1,5580	2,427
Thu nhập sau vay	270	1,51	1	2	0,501	0,251
Ngành nghề tạo TN trả nợ	270	1,51	1	2	0,501	0,251
Trình độ học vấn	270	1,80	1	4	0,741	0,549
Số thành viên có thu nhập	270	3,43	2	6	0,983	0,967
Khả năng trả nợ hộ cận nghèo	270	0,67	0	1	0,470	0,221

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Thu nhập sau vay có giá trị trung bình 1,51 > 1,5 điều này cho thấy thu nhập của khách hàng vay vốn có thu nhập trên 5 triệu đồng trên tháng; Ngành nghề tạo thu nhập trả nợ có giá trị trung bình 1,51 > 0,5 điều này cho thấy nghề tạo ra thu nhập của khách hàng đa phần là nghề nông nghiệp, cho thấy nghề của khách hàng khá biến động, chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt,...; Trình độ có giá trị trung bình là 1,8. Điều này cho thấy trình độ của khách hàng vay vốn của ngân hàng còn thấp, chủ yếu là từ THPT trở xuống chiếm đa số. Do trình độ không cao nên công việc của người vay cũng có sự bấp bênh làm cho thu nhập không cao. Không đủ để trang trải các khoản chi tiêu trong gia đình; Số thành viên có thu nhập có giá trị trung bình là 3,43 người, có giá trị nhỏ nhất 2 người và cao nhất là 6 người. Điều này cho thấy số người trong gia đình tạo ra thu nhập để trả nợ vay trung bình là 3 người.

Tóm lại, các biến được khảo sát thể hiện tình hình thực tế của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH Chi nhánh tỉnh Bình Dương là tương đối.

3.2.2. Ma trận tương quan

Kết quả cho thấy mối liên hệ và tương tác giữa các biến số được biểu diễn trong Bảng 6.

Bảng 6. Ma trận tương quan

Nhân tố	Y	Mục đích	Tuoi	Lai suất	Thu nhập	Ngành	Trình độ	Thanh viên
Mục đích	-0,080	1						
Tuổi của người vay	-0,114	0,065	1					
Lãi suất	0,175**	-0,031	0,105	1				
Thu nhập sau vay	-0,148*	0,178**	-0,042	0,040	1			
Ngành nghề tạo thu nhập	0,126*	0,151*	-0,049	0,084	0,029	1		
Trình độ học vấn	0,108	-0,003	-0,096	-0,119	0,039	0,031	1	
Số thành viên có thu nhập	0,181**	-0,006	0,047	0,085	-0,025	-0,119	0,012	1

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Qua bảng trên cho thấy:

- Về mối tương quan giữa biến phụ thuộc Y và các biến độc lập:

Mối quan hệ tương quan thuận với khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương bao gồm các biến như: Lãi suất vay, ngành nghề tạo thu nhập, trình độ học vấn và số thành viên tạo thu nhập với các hệ số tương quan tuần tự là: 0,175**; 0,126*; 0,108*; 0,181**.

Các biến có quan hệ tương quan nghịch với khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương bao gồm các biến như: Mục đích; tuổi của người vay; thu nhập sau vay với các hệ số tương quan lần lượt là: -0,080*; -0,114*; -0,148**.

- Về mối tương quan giữa các biến độc lập: Hệ số tương quan giữa các biến độc lập đều < 0,8 phản ánh chưa có dấu hiệu đa cộng tuyến.

3.2.3. Phân tích hồi quy

Kết quả ước lượng tham số hồi qui lần 1 được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. Tổng hợp kết quả ước lượng các tham số hồi qui lần 1

Biến	Hệ số	Sig.
Mucdich	-0,247	0,436
Tuoi	-0,472	0,028
Laisuat	0,292	0,003
Thunhap	-0,793	0,007
Nganh	0,651	0,025
Trinhdo	0,396	0,047
Thanhvien	0,465	0,002
Hằng số	-3,182	0,014

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Kiểm định các tham số hồi qui cho thấy:

- Biến Mucdich có Sig. > 0,05, β_1 không có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5%.

- Các biến còn lại có Sig. < 0,05, các β_i có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5%.

Như vậy, biến Mucdich không có ý nghĩa thống kê, ta loại biến. Sau đó, tiếp tục chạy lần 2 sau khi loại biến.

Mô hình hồi quy được điều chỉnh (sau khi chạy lần 2) được thể hiện trong Bảng 8.

Bảng 8. Tổng hợp kết quả ước lượng các tham số hồi qui lần 2

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	Sig.
Tuoi	-0,490	0,214	0,022
Laisuat	0,298	0,099	0,003
Thunhap	-0,839	0,289	0,004
Nganh	0,618	0,286	0,031

Trinhdo	0,404	0,199	0,042
Thanhvien	0,465	0,153	0,002
Constant	-3,275	1,289	0,011

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Ta được phương trình:

$$Y = \log_e(P(Y=1)/ P(Y=0)) = -3,275 - 0,490*\beta_2 + 0,298*\beta_3 - 0,839*\beta_4 + 0,618*\beta_5 + 0,404*\beta_6 + 0,465*\beta_7$$

- Trong đó các hệ số β đều có Sig. < 0,05 có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5%.

- Nội dung các hệ số β như sau:

+ $\beta_2 = -0,490$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tuổi của người vay tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo giảm xuống 0,490 đơn vị.

+ $\beta_3 = 0,298$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi lãi suất vay tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo tăng lên 0,298 đơn vị.

+ $\beta_4 = -0,839$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thu nhập sau vay tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo giảm xuống 0,839 đơn vị.

+ $\beta_5 = 0,618$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi ngành nghề tạo thu nhập của người vay tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo tăng lên 0,618 đơn vị.

+ $\beta_6 = 0,404$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi trình độ học vấn tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo tăng lên 0,404 đơn vị.

+ $\beta_7 = 0,465$: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi số thành viên có thu nhập trong gia đình tăng lên 1 đơn vị thì xác suất khả năng trả nợ của hộ cận nghèo tăng lên 0,465 đơn vị.

Tóm lại:

- Có 6 yếu tố tác động đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương. Trong đó:

+ Có 4 yếu tố ảnh hưởng cùng chiều đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương bao gồm: Lãi suất vay, ngành nghề tạo thu nhập, trình độ học vấn và số thành viên có thu nhập trong gia đình.

+ Ngược lại, có 2 yếu tố ảnh hưởng ngược chiều đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương bao gồm: Tuổi của người vay và thu nhập sau vay.

+ Ngoài ra, yếu tố có cường độ tác động mạnh nhất đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương là ngành nghề tạo thu nhập ($\beta_5 = 0,618$), tiếp theo là số thành viên có thu nhập trong gia đình ($\beta_7 = 0,465$). Ngược lại, yếu tố có tác động thấp nhất là thu nhập sau vay ($\beta_4 = -0,839$).

3.2.4. Kiểm định mô hình

- Kiểm định độ phù hợp tổng quát mô hình.

Kết quả ở Bảng 9 cho thấy độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. < 0,05 nên ta bác bỏ H_0 : phản ánh mô hình phù hợp.

Bảng 9. Kiểm định Omnibus

		Tỉ số Chi-square	Bậc tự do	Sig.
Bước 1	Bước	39,039	6	0,000
	Khối	39,039	6	0,000
	Mô hình	39,039	6	0,000

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

- Kiểm định đa cộng tuyến:

$$\text{Loge} [P (Y=1)/ P(Y=0)] = \beta_0 + \beta_2X_2 + \beta_3X_3 + \beta_4X_4 + \beta_5X_5 + \beta_6X_6 + \beta_7X_7$$

Kết quả kiểm định qua nhân tố hệ số phóng đại phương sai (VIF) như sau:

Bảng 10. Hệ số VIF

Giả thuyết	Thống kê cộng tuyến	
	Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
H2	0,976	1,024
H3	0,957	1,044
H4	0,994	1,007
H5	0,972	1,029
H6	0,975	1,026
H7	0,974	1,026

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Nhìn vào kết quả thì tất cả các giả thuyết đặt ra đối với các H2, H3, H4, H5, H6, H7 đều có hệ số VIF < 10: không có dấu hiệu đa cộng tuyến.

Kết luận: chưa có dấu hiệu về hiện tượng đa cộng tuyến.

Kết luận chung: có thể sử dụng mô hình hồi qui điều chỉnh trong việc cho vay hộ cận nghèo tại NHCSXH tỉnh Bình Dương.

3.2.5. Dự báo khả năng trả nợ của khách hàng bằng mô hình

Từ mô hình điều chỉnh, dự báo khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương như sau:

Bảng 11. Mức độ chính xác của dự báo

Quan sát			Dự đoán		
			Y		Tỷ lệ chính xác
			Không đúng hạn	Đúng hạn	
Bước 1	Y	Không đúng hạn	32	56	36,4
		Đúng hạn	16	166	91,2
Tỷ lệ phần trăm tổng thể					73,3

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Qua bảng trên, trong 88 trường hợp được dự đoán về khách hàng không có khả năng trả nợ thì mô hình đã dự đoán trúng 32 trường hợp tương ứng tỷ lệ là 36,4%. Còn 182 trường hợp được dự đoán là có khả năng trả nợ thì mô hình đã dự đoán trúng 166 trường hợp tương ứng với tỷ lệ là 91,2%. Nên ta tính được tỷ lệ dự đoán đúng của toàn bộ mô hình là 73,3%.

3.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Thứ nhất, về các biến số có ý nghĩa thống kê

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương đề tài đã sử dụng mô hình hồi quy Logistic, thông qua việc khảo sát 270 hộ cận nghèo bằng bảng hỏi kết quả phân tích hồi quy bảng cho kết quả như sau:

$$Y = \log_e(P(Y=1)/P(Y=0)) = - 3,275 - 0,490*H2 + 0,298*H3 - 0,839*H4 + 0,618*H5 + 0,404*H6 + 0,465*H7$$

Thứ hai, về sự phù hợp với thực tiễn của dấu và độ lớn của các hệ số β

Có 4 yếu tố ảnh hưởng tích cực (tăng) đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương là: Lãi suất vay, ngành nghề tạo thu nhập, số thành viên trong gia đình có thu nhập và trình độ văn hóa của người vay. Ngược lại, có 2 yếu tố ảnh hưởng tiêu cực (giảm) đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương là: Tuổi của người vay và thu nhập sau vay.

Yếu tố có cường độ tác động mạnh nhất đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương là ngành nghề tạo thu nhập ($\beta_5 = 0,618$), kế đến là trình độ văn hóa của người vay ($\beta_7 = 0,465$). Ngược lại, yếu tố có tác động thấp nhất là thu nhập sau vay ($\beta_4 = -0,839$).

Tóm lại, kết quả định lượng từ mô hình phù hợp với nội dung thực tiễn trong hoạt động cho vay hộ cận nghèo tại NHCSXH tỉnh Bình Dương.

Dưới đây là bảng tóm tắt lại kết quả mô hình và kỳ vọng ban đầu do giả thuyết đặt ra:

Bảng 12. Tóm tắt kỳ vọng của giả thuyết và kết quả mô hình

Biến	Tên Biến	Kỳ vọng dấu	Kết quả mô hình
H ₂	Tuổi của người vay	+	-
H ₃	Lãi suất vay	-	+
H ₄	Thu nhập sau vay	+	-
H ₅	Ngành nghề tạo thu nhập trả nợ	Có ảnh hưởng	Có ảnh hưởng
H ₆	Số thành viên trong gia đình có thu nhập	+	+
H ₇	Trình độ văn hóa của người vay	+	+

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của tác giả)

Kết quả định lượng cho thấy phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa như sau:

$$Y = -3,275 - 0,490 \cdot H_2 + 0,298 \cdot H_3 - 0,839 \cdot H_4 + 0,618 \cdot H_5 + 0,404 \cdot H_6 + 0,465 \cdot H_7$$

Có 4 yếu tố tác động thuận chiều với yếu tố (Y) là lãi suất vay, ngành nghề tạo thu nhập trả nợ, trình độ văn hóa của người vay và số thành viên trong gia đình có thu nhập. Trong đó, nếu ngành nghề tạo thu nhập trả nợ tăng 1 đơn vị thì khả năng trả nợ tăng 0,618 đơn vị, nếu trình độ văn hóa của người vay tăng 1 đơn vị thì khả năng trả nợ tăng 0,465 đơn vị, nếu số thành viên trong gia đình có thu nhập tăng 1 đơn vị thì khả năng trả nợ tăng 0,404 đơn vị và lãi suất vay tăng 1 đơn vị thì khả năng trả nợ tăng 0,298 đơn vị.

Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của chuyên gia trước đó như: Đạo (2020); Wongnaa và Awunyo-Vitor (2013); Loan và cộng sự (2019); Munene và cộng sự (2013). Các yếu tố lãi suất vay, ngành nghề tạo thu nhập trả nợ, số thành viên trong gia đình có thu nhập và trình độ văn hóa của người vay có tác động thuận chiều với yếu tố khả năng trả nợ. Tuy nhiên do khác nhau về địa điểm khảo sát nên hệ số khác nhau. Và kết quả nghiên cứu này phù hợp với giả thuyết đã đặt ra trước đó.

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đạt được như sau:

Có 4 yếu tố ảnh hưởng tích cực (tăng) đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương. Đó là: Lãi suất vay ($\beta_3 = 0,298$), ngành nghề tạo thu nhập ($\beta_5 = 0,618$), số thành viên trong gia đình có thu nhập ($\beta_6 = 0,404$) và trình độ văn hóa của người vay ($\beta_7 = 0,465$). Ngược lại, có 2 yếu tố ảnh hưởng tiêu cực (giảm) đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương. Đó là: Tuổi của người vay ($\beta_2 = -0,490$) và thu nhập sau vay ($\beta_4 = -0,839$).

Yếu tố có cường độ tác động mạnh nhất đến khả năng trả nợ của hộ cận nghèo vay vốn tại NHCSXH tỉnh Bình Dương là ngành nghề tạo thu nhập ($\beta_5 = 0,618$), kế đến là trình độ văn hóa của người vay ($\beta_7 = 0,465$). Ngược lại, yếu tố có tác động thấp nhất là thu nhập sau vay ($\beta_4 = -0,839$).

4.2. Hàm ý quản trị

4.2.1. Đối với Nhà nước

Bộ Tài chính cần chủ động có kế hoạch bổ sung nguồn vốn kịp thời cho NHCSXH từ đầu năm để đáp ứng nhu cầu vốn vay của hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Việc này giúp vốn vay phù hợp với tính thời vụ và chu kỳ sản xuất - kinh doanh của các dự án, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay.

Bộ Nông nghiệp, Bộ Công thương có thể xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh cho nông dân và hộ cận nghèo. Thông qua các lớp đào tạo khuyến nông, khuyến công và đào tạo nghề, bà con sẽ được định hướng áp dụng, tiếp cận phương pháp sản xuất kinh doanh mới có hiệu quả. Đồng thời, tiếp cận thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá cả, nhằm tiêu thụ sản phẩm thuận lợi và có lợi nhất.

Các tổ chức, hội, đoàn thể cần tăng cường chương trình bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác hội và quản lý kinh tế, đặc biệt là cán bộ cấp xã, phường và có sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong công tác chỉ đạo để tạo nên một sự phối hợp đồng nhất trong triển khai công tác, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia hiệu quả về xóa đói giảm nghèo mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

4.2.2. Đối với chính quyền địa phương

Đối với cấp ủy, chính quyền địa phương cần tăng cường công tác chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Thường xuyên giám sát và đôn đốc việc sử dụng đảm bảo hiệu quả nguồn vốn vay từ NHCSXH của người dân, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và hướng đến mục tiêu thoát nghèo bền vững. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh nên dành một phần ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với các đối tượng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt ở những vùng khó khăn, vùng sâu - vùng xa, nơi nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh còn rất lớn.

Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cần thực hiện đầy đủ các nội dung đã được giao; phối hợp chặt chẽ với NHCSXH và chính quyền các cấp trong việc nâng cao chất lượng tín dụng. Thông qua đó, hỗ trợ và hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả. Từ đó đạt được những kết quả tích cực trong phát triển kinh tế và giảm nghèo. Đây cũng là cơ sở quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và an sinh xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

4.2.3. Đối với khách hàng

Việc tổ chức cho khách hàng tham gia tập huấn vay vốn trước khi vay là quan trọng để đảm bảo sự hiểu biết, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chuẩn bị đầy đủ. Thông qua tập huấn khách hàng sẽ hiểu được việc vay luôn có trách nhiệm trả được cả gốc và lãi như cam kết, biết được nguồn vốn cho vay từ đâu, tổ chức nào quản lý, cách tính lãi suất và gốc, số tiền hàng tháng phải trả, thời gian trả nợ. Ngoài ra, khách hàng trang bị kiến thức về những ràng buộc khi vay vốn, hiểu rõ về các hình thức thế chấp và tín chấp khi vay vốn...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Vân Anh - Tác động của tín dụng chính sách xã hội đến mục tiêu giảm nghèo tại Việt Nam, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ **13** (2021), truy cập tại: <https://thitruongtaichinhvientien.vn/tac-dong-cua-tin-dung-chinh-sach-xa-hoi-den-muc-tieu-giam-ngheo-tai-viet-nam-39152.html>.
2. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Hoàn thiện hoạt động cho vay hộ nghèo tại ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Bình, Luận văn thạc sĩ, Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế, (2018).
3. Hội nghị Tổng kết chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011 - 2020 và đón nhận danh hiệu “Anh hùng lao động” thời kỳ đổi mới, Hà Nội (2020).
4. Học nghề - cơ hội việc làm cho lao động nông thôn, Báo Bình Dương (2019), truy cập tại: <https://baobinhduong.vn/hoc-nghe-co-hoi-viec-lam-cho-lao-dong-nong-thon-a211866.html>
5. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh nâng cao chất lượng tín dụng, Báo Bình Dương (2023), truy cập tại: <https://baobinhduong.vn/ngan-hang-chinh-sach-xa-hoi-tinh-nang-cao-chat-luong-tin-dung-a303355.html>
6. Nguyễn Văn Đạo - Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ nghèo vay vốn tại NHCSXH huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Cửu Long, (2020).
7. Wongnaa C.A, Awunyo-Vitor D. - Factors affecting loan repayment performance among yam farmers in the Sene District, Ghana. *Agris on-line Papers in Economics and Informatics* **5** (2) (2013) 111-122. <https://doi.org/10.22004/ag.econ.152695>
8. Mai Thanh Loan, Phan Du Thuy Anh & Nguyen Quoc Uy. - The application of the binary logistic model: a case of Joint stock commercial bank for Investment and Development of VietNam (BIDV) in VinhLong province. *International Journal of Small Business Entrepreneurship Research* **7** (2) (2019) 1-12.

9. Munene, H. Nguta, Guyo, S. Huka. - Factors Influencing Loan Repayment Default in Micro-Finance Institutions: The Experience of Imenti North District, Kenya. *International Journal of Applied Science and Techonology* 3 (3) (2013) 80-84.
10. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương - Báo cáo diễn biến nguồn vốn và dư nợ các chương trình tín dụng chính sách (2019-2022), Bình Dương (2022).
11. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Dương - Báo cáo kết quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách (2003-2022), Bình Dương (2022).

ABSTRACT

FACTORS AFFECTING THE ABILITY TO REFUND DEBTS OF NEAR-POOR HOUSEHOLDS LOANING AT THE SOCIAL POLICY BANK OF BINH DUONG PROVINCE

Nguyen Thanh Hiep¹, Huynh Kim Trong^{2*}, Le Thi Thuy Trang³

¹*Bau Bang District Bank for Social Policies Transaction Office, Binh Duong Province*

²*Binh Duong Economics and Technology University*

³*Ho Chi Minh City University of Industry and Trade*

*Email: trong.hk@ktt.edu.vn

Through testing 7 hypotheses, the research results have solved 2 research objectives: The first is to identify factors affecting the ability to repay debt on time of near-poor households at the Social Policy Bank of Binh Duong Province; The second is to evaluate the influence of each of these factors on the ability of near-poor households to repay debt on time. The study uses a data sample of 270 near-poor customers with outstanding loans at the Social Policy Bank of Binh Duong province. The research results are as follows: There are two factors with an inverse relationship: Borrower's age (Tuoi) and Income after loan (Thunhap); There are 4 factors that have a positive relationship: Loan interest rate (Laisuat), Industry (Nganh), Professional qualifications (Trinhdo), Number of members with income in the family (Thanhvien) who can repay the debt on time of near-poor households borrowing from the Social Policy Bank of Binh Duong province; 1 factor eliminated due to lack of statistical significance is Purpose of loan use (Mucdich). Based on the results achieved, the author has proposed policy implications to improve the ability of near-poor households to repay debt on time, the most important of which are recommendations for banks.

Keywords: Factors affecting, repayment ability, near-poor households, loan, social policy bank, Binh Duong Province.